TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1985; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mộng P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 4 năm 2025 của nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Vào năm 2009, chị có quen biết với Nguyễn Mộng P, qua thời gian tìm hiểu hai bên tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho chị và P trong năm 2009, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03 tháng 8 năm 2012. Sau khi cưới, hai vợ chồng chị cùng nhau đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc. Chị và anh Nguyễn Mộng P đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Mộng P. Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trung H1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2015, không yêu cầu anh Nguyễn Mộng P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Nguyễn Mộng P không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không nợ anh chị, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Mộng P đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 23 tháng 4 năm 2025, cháu Nguyễn Trung H1 trình bày: Ba mẹ ly hôn con muốn ở với mẹ.

Tại bản khai ngày 23 tháng 4 năm 2025, cháu Nguyễn Thị Thu H2 trình bày: Ba và mẹ ly hôn con muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Mộng P; về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Trung H1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2015 cho chị Trần Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, còn anh P không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Mộng P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Mộng P là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Mộng P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị H thì cuộc sống của chị và anh Hảo không còn hạnh phúc từ tháng 7 năm 2024 do phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc, chị và anh P đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị H và anh P hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Nguyễn Mộng P.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Trần Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trung H1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2015, không yêu cầu anh Nguyễn Mộng P cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh P không còn sống chung và cho đến hiện tại thì 02 con chung đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không buộc anh P cấp dưỡng do chị H chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Nguyễn Mộng P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Mộng P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Trần Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nguyễn Trung H1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Thu H2, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2015.

2.2. Anh Nguyễn Mộng P không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014727 ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.TA, H.VL, T.Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng